

Số: /QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022, tỉnh Hòa Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2022, tỉnh Hòa Bình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 140/TTr-SKHĐT ngày 17 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022, tỉnh Hòa Bình, cụ thể như sau:

1. Giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, vốn đầu tư cân đối ngân sách tỉnh số vốn: 1.869.690 triệu đồng. Phương án phân bổ cụ thể như sau:

- Dự án đã hoàn thành: 4.744 triệu đồng.
- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 và hoàn thành trong năm 2022: 204.226 triệu đồng.
- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 và hoàn thành sau năm 2022: 50.000 triệu đồng.
- Đối ứng các dự án sử dụng vốn nước ngoài: 85.081 triệu đồng.
- Đối ứng các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương: 139.569 triệu đồng.

- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện: 173.000 triệu đồng.
- Chuẩn bị đầu tư: 23.000 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022: 751.302 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới năm 2022: 308.468 triệu đồng.
- Các kinh phí khác: 50.000 triệu đồng.
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương: 80.300 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 1 đính kèm Quyết định này).

2. Giao chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2022, vốn đầu tư trên cơ sở khả năng tăng thu nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương số vốn: 798.870 triệu đồng. Phương án phân bổ cụ thể như sau:

- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 hoàn thành trong năm 2022: 66.940 triệu đồng.
- Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 hoàn thành sau năm 2022: 33.060 triệu đồng.
- Đối ứng các dự án sử dụng vốn nước ngoài (ODA): 10.000 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới năm 2021, chuyển tiếp sang năm 2022: 200.000 triệu đồng.
- Dự án khởi công mới năm 2022: 307.000 triệu đồng.
- Chuẩn bị đầu tư: 25.000 triệu đồng.
- Các kinh phí khác: 156.870 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 2 đính kèm theo Quyết định này).

3. Giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách Trung ương số vốn: 1.155.077 triệu đồng. Phương án phân bổ cụ thể như sau:

- a) Vốn trong nước: 732.506 triệu đồng.
 - Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 712.506 triệu đồng.
 - + Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 và hoàn thành trong năm 2022: 256.904 triệu đồng.
 - + Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 và hoàn thành sau năm 2022: 82.602 triệu đồng.
 - + Chuẩn bị đầu tư: 11.000 triệu đồng.
 - + Dự án khởi công mới năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022: 308.000 triệu đồng.
 - + Dự án khởi công mới năm 2022: 54.000 triệu đồng.
 - Vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn nước ngoài (ODA): 20.000 triệu đồng.
- b) Vốn nước ngoài (ODA): 422.571 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 3, Biểu số 4 đính kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 cho các dự án thuộc Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng chuyển dân sông Đà tỉnh Hòa Bình, sau khi Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

+ Thông báo chi tiết từng dự án cho các đơn vị, các chủ đầu tư biết, thực hiện.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Căn cứ mức vốn kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho huyện được giao; phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho từng dự án trước ngày 31/12/2021; Kết quả phân bổ chi tiết gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 10/01/2022 để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 định kỳ hằng tháng, quý và cả năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Các CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Đ.60).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

Biểu số 1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị trình: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số		Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
					Vốn ngân sách tỉnh			Vốn ngân sách trung ương	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất		Nguồn thu xổ số	
	TỔNG SỐ			16.871.860	8.565.862	7.350.866	7.722.099	1.869.690	577.390	1.200.000	12.000	43.000	
A	CÁC DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH			609.778	609.778	0	4.744	4.744	4.744	0	0	0	
1	Dự án Đề ngăn lũ kết hợp giao thông Pheo Chẹ (đường 445)	TPHB	1582; 05/9/2011	429.878	429.878		1.602	1.602	1.602				
2	Dự án Nâng cấp mở rộng đê Đà Giang	TPHB	1736; 23/9/2011	165.000	165.000		1.144	1.144	1.144				
3	Trụ sở Chi cục quản lý chất lượng nông lâm thủy sản	TPHB	2305; 22/10/2019				228	228	228				
4	Nhà nội trú 3 tầng, bổ sung 6 phòng học khối THPT và các hạng mục phụ trợ, Trường PT DTNT THCS&THPT huyện Lương Sơn	Lương sơn	2602/QĐ-UBND; 31/10/2018	14.900	14.900		1.770	1.770	1.770				
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2022			702.765	664.843	0	361.510	204.226	40.408	163.818	0	9.000	
(1)	Giao thông												
1	Dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 438B (Khoan Dụ - An Bình), huyện Lạc Thủy	Lạc Thủy	2923; 31/12/2015	200.000	200.000		104.019	49.119	14.000	35.119			
2	Dự án cải tạo, nâng cấp đường liên xã Lạc Lương – Lạc Hưng, huyện Yên Thủy	Yên Thủy	2081; 17/8/2016	50.000	50.000		26.500	1.200	1.200				
3	Đầu tư xây dựng cầu Trắng, Phường Đồng Tiến, TP HB	TPHB	2400; 17/10/2018	36.000	36.000		6.000	2.137	2.137				

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số		
(2)	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản												
1	Dự án Tăng cường năng lực hệ thống sản xuất giống lúa nhân dân tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2010-2015	Tỉnh HB	1988; 18/10/2011	15.000	2.213		1.036	225	225				
(3)	Lĩnh vực khu công nghiệp và khu kinh tế												
1	Đường vào khu công nghiệp Yên Quang	TPHB	866; 29/5/2017	75.135	50.000		40.232	27.232	5.000	22.232			
2	Trạm xử lý nước thải KCN Bờ trái Sông Đà	TPHB	543; 08/3/2016	21.905	21.905		5.051	1.000	1.000				
3	Dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư cho các hộ dân trong KCN Mông Hóa	TPHB	2539; 30/10/2018	54.666	54.666		38.131	25.000	2.000	23.000			
(4)	Y tế												
1	Dự án chuyển đổi công năng nhà điều hành thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh (Khoa Nội A - BVĐK tỉnh)	TPHB	859; 24/4/2019	25.000	25.000		16.500	5.850		5.850			
(5)	An ninh quốc phòng						0						
1	Xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ tỉnh tại xã Đú Sáng, Kim Bôi (giai đoạn I)	Kim Bôi	141; 31/10/2018	30.000	30.000		13.500	8.500	1.500	7.000			
(6)	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						0						
1	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới và Trung tâm đào tạo lái xe hạng A1	TPHB	Số 321; 04/02/2016	59.800	59.800		29.800	18.127		18.127		9.000	
(7)	Lĩnh vực văn hóa, thông tin						0						

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số		
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương								
1	Dự án Cải tạo, sửa chữa Cung văn hóa tỉnh	TPHB	2034; 23/9/2019; 322; 05/2/2021	19.989	19.989		9.651	9.651	9.651	0			
(8)	Lĩnh vực khoa học, công nghệ						0						
1	Tăng cường trang thiết bị phục vụ công tác QLNN về an toàn bức xạ, hạt nhân và ứng phó sự cố phóng xạ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	Tỉnh HB	2792; 31/10/2016	13.980	13.980		800	695	695				
(10)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác												
1	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mở rộng thị trấn Bo, tại xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	2601; 31/10/2018	58.290	58.290		56.290	52.490		52.490			
2	Hạ tầng trung tâm hành chính, chính trị tỉnh (giai đoạn 2)	TPHB	2125; 31/10/2017; 1972; 24/8/2020	43.000	43.000		14.000	3.000	3.000				
C	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 VÀ HOÀN THÀNH SAU NĂM 2022			195.750	195.750	0	180.682	50.000	10.000	40.000	0	0	
(1)	Giao thông												
1	Dự án Đường Cun Pheo – Hang Kia – Quốc lộ 6 huyện Mai Châu (GĐ II)	Mai Châu	2378; 30/10/2019	141.200	141.200		135.200	30.000	10.000	20.000			
2	Dự án Đường 445 đi xóm Hải Cao, xã Hợp Thịnh, huyện Kỳ Sơn	TPHB	2357; 29/10/2019	54.550	54.550		45.482	20.000	0	20.000			
D	ĐỐI ỨNG DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)			4.264.141	371.635	3.406.480	244.690	85.081	26.439	58.642	0	0	
1	Dự án Phát triển giáo dục THCS Khó khăn nhất, giai đoạn 2	Tỉnh HB	1879/QĐ-UBND; 14/8/2020 và 122/QĐ-SKHĐT; 28/8/2020	26.155	6.302	19.853	2.583	1.000	1.000				

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số		
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương							
2	Dự án thoát nước và xử lý nước thải TP Hòa Bình (KFW)	TPHB	1173/QĐ-UBND ngày 3/7/2015	678.519	54.431	624.088	39.030	5.000	5.000				
3	Dự án phát triển nông thôn đa mục tiêu huyện Đà Bắc	Đà Bắc	2361/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	410.659	45.313	340.021	17.297	10.797	5.000	5.797			
4	Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Hòa Bình (WB7)	tỉnh HB	QĐ 4419/QĐ-BNN-HTQT; 04/11/2020;	468.864	14.773	305.811	6.173	3.500	500	3.000			
5	Dự án mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh HB	TPHB	1164/QĐ-UBND 18/8/2014	436.907	43.441	349.526	19.441	4.828	828	4.000			
6	Tiểu dự án xây dựng và nâng cấp hạ tầng du lịch Khu di tích Chùa tiên, xã Phú Lão huyện Lạc thủy, tỉnh Hòa Bình thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng - giai đoạn 2	Lạc Thủy	2471/QĐ-UBND 26/10/2018	234.408	53.500	144.726	52.000	15.000	5.000	10.000			
7	Cung cấp thiết bị y tế cho bệnh viện đa khoa huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	Lạc Thủy	1038/QĐ-UBND 19/6/2017	77.582	12.932	64.650	12.932	11.932	5.932	6.000			
8	Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Hòa Bình	TPHB	1007/QĐ-UBND ngày 24/7/2014; QĐ 1674/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	686.425	17.357	606.211	15.600	15.600	600	15.000			
9	Dự án cung cấp nước sạch tại hai huyện Lương Sơn và Cao Phong (EDEF)	Lương sơn - Cao Phong	2705/QĐ-UBND, 30/12/2009; 1080/QĐ-UBND, 10/8/2012	336.996	12.638	277.179	271	271	271				
10	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở	Tỉnh HB	324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; 654QĐ-UBND ngày 01/4/2019	258.667	52.279	123.833	52.093	10.000	2.000	8.000			

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số		Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số			
					Vốn ngân sách tỉnh							Vốn ngân sách trung ương	
11	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh môi trường và nước sạch nông thôn	tỉnh HB	QĐ 880/QĐ-UBND ngày 04/4/2016; QĐ 3102/QĐ-BNN ngày 21/7/2016	271.960	22.670	230.582	9.270	2.308	308	2.000			
12	Dự án trồng bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống lũ, sạt lở đất, hạn hán bảo vệ dân cư huyện Lạc Sơn (Đối ứng ngân sách tỉnh)	Lạc Sơn	1106; 26/6/2015	377.000	36.000	320.000	18.000	4.845		4.845			
E	ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG			1.143.276	231.233	781.386	172.933	139.569	39.044	100.525	0	34.000	
1	Dự án Khẩn cấp xử lý khối sạt trượt các khu vực phía đồi Ông Tượng, tổ 4, 5, 6 phường Chăm Mát, tổ 4 phường Thái Bình thành phố Hòa Bình	TPHB	2942; 17/12/2019	339.942	159.942	180.000	123.942	91.942	20.417	71.525		34.000	
2	Đường liên huyện vùng cao Lạc Sơn - Tân Lạc tỉnh Hoà Bình	Lạc sơn - Tân Lạc	1704; 31/10/2014	309.659	40.000	269.659	19.000	19.000	9.000	10.000			
3	Khôi phục, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng địa điểm huấn luyện chính trị và Đại hội trụ bị Đại hội II Đảng Nhân dân Lào tại Hòa Bình	TPHB	2412; 31/10/2019	47.127	5.000	42.127	4.500	4.500	500	4.000			
4	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Hòa Bình (giai đoạn II)	TPHB	2668; 20/10/2016	110.657			5.000	5.000		5.000			
5	Dự án lớp học mầm non và tiểu học thuộc chương trình kiên cố hoá trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa Huyện Mai Châu	Mai Châu	491/QĐ-UBND ngày 15/3/2019; 2108/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	7.920	1.320	6.600	1.320	1.320	1.320	0			

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số		Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
					Vốn ngân sách tỉnh			Vốn ngân sách trung ương					
6	Dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 435	TPHB	88/QĐ-UBND, 15/01/2016; 2899/QĐ-UBND; 20/12/2019; 450/NQ-HĐND; 11/5/2021	298.000	15.000	283.000	15.000	15.000	5.000	10.000			
7	Đường từ xóm Diềm đi xóm Chiềng, xã Tân Dân	Mai Châu	2655; 31/10/2013	29.971	9.971		4.171	2.807	2.807	0			
F	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO HUYỆN						976.000	173.000	173.000	0	0	0	
1	Huyện Đà Bắc						108.000	19.000	19.000				
2	Huyện Cao Phong						72.000	12.900	12.900				
3	Huyện Tân Lạc						97.000	16.800	16.800				
4	Huyện Lạc Sơn						123.000	21.300	21.300				
5	Huyện Yên Thủy						74.000	12.900	12.900				
6	Huyện Lạc Thủy						85.000	16.900	16.900				
7	Huyện Lương Sơn						100.000	17.300	17.300				
8	Huyện Kim Bôi						105.000	19.200	19.200				
9	Huyện Mai Châu						92.000	15.900	15.900				
10	Thành Phố Hòa Bình						120.000	20.800	20.800				
G	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2022			3.565.938	2.794.970	593.000	2.744.886	751.302	206.255	533.047	12.000	0	
(1)	Giao thông												
1	Cầu Chum - Km35+045, đường tỉnh 436	Lạc Sơn	QĐ:1324; 30/6/2021	40.000	40.000		39.700	30.000	5.000	25.000			

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số		
2	Đường nối từ đường QH 8 với Đường An Dương Vương, thành phố Hòa Bình	TPHB	2329; 14/10/2021	250.000	100.000	150.000	98.000	20.000	5.000	15.000			
3	Đường Ngòi Hoa - Quốc lộ 6	Tân Lạc	2650; 12/11/2021	305.000	295.000		293.000	40.000	5.000	35.000			
4	Đường Thị trấn Đà Bắc - Thanh Sơn, Phú Thọ	Đà Bắc	2316; 12/10/2021	250.000	50.000	200.000	48.000	15.000	5.000	10.000			
5	Đường Trần Hưng Đạo đến Trung tâm huyện Lương Sơn (Trung tâm hành chính quy hoạch huyện Lương Sơn)	Lương Sơn	1551; 17/7/2021	115.000	115.000		114.200	20.000	5.000	15.000			
6	Đường từ Quốc lộ 6 đến khu công nghiệp Nhuận Trạch, huyện Lương Sơn	Lương sơn	2109; 17/9/2021	270.000	27.000	243.000	25.000	5.000	0	5.000			
7	Đường nội thị, thị trấn Mai Châu	Mai Châu	1620; 03/8/2021	90.000	80.000		79.500	20.000	5.000	15.000			
8	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã 3 Hàng Trạm ra đường Hồ Chí Minh, huyện Yên Thủy	Yên Thủy	792; 13/4/2021	94.000	94.000		93.500	30.000	5.000	25.000			
9	Đường Hợp Phong, Cao phong	Cao Phong	1528; 23/7/2021	81.000	70.000		69.500	20.000	5.000	15.000			
10	Nâng cấp, sửa chữa đường đua xe đạp địa hình, tỉnh Hòa Bình	TPHB	699; 4/4/2021	17.998	17.998	0	17.998	10.998	5.000	5.998			
11	Khắc phục cấp bách sạt lở khu vực tổ 26 Phường Đồng Tiến và đoạn Cầu Hòa Bình 3, thành phố Hòa Bình	TPHB	967; 12/5/2021	499.817	379.817		369.817	41.656	9.789	31.867			
12	Dự án cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 436 (đoạn Km0+00 - Km7+00)		2682; 4/11/2020; 2257; 4/10/2021	300.000	300.000		295.000	50.000	10.000	40.000			
13	Đường nối từ đường Trần Hưng Đạo đến xã Dân Chủ kết nối với Quốc lộ 6	TPHB	2693; 5/11/2020; 2388; 19/10/2021	600.000	600.000		590.000	200.000	28.000	172.000			
(3)	Công nghệ thông tin												
1	Dự án Triển khai số hóa văn bản các cơ quan nhà nước	Tỉnh HB	2364; 18/10/2021	25.000	25.000		24.800	19.800	5.000	14.800			
(4)	Công nghiệp						0						
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống lưới điện khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	Tỉnh HB	2851; 02/11/2021	100.000	100.000		99.200	35.000	5.000	30.000			
(5)	Khu công nghiệp, cụm công nghiệp						0						
1	Dự án Tuyến đường gom và nút giao vào khu công nghiệp Lạc Thịnh, huyện Yên Thủy	Yên Thủy	1646; 5/8/2021	75.000	75.000		74.500	30.000	0	30.000			

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số		
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Cụm Công nghiệp Yên Mông, xã Yên Mông, thành phố Hòa Bình	TPHB	2382; 30/10/2019	33.000	33.000		25.216	12.216	5.216	7.000			
(6)	Cấp, thoát nước						0						
1	Cấp thoát nước thành phố Hòa Bình (cải tạo nhánh N4, kênh tiêu 20)	TPHB	1567; 28/7/2021	19.800	19.800		19.600	7.000	2.000	5.000			
(7)	Văn hóa, thông tin						0						
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Hội nông dân cũ thành Thư viện tỉnh	TPHB	1356; 05/7/2021	14.950	14.950		14.850	9.850	9.850				
2	Tôn tạo di tích Bác Hồ về thăm tập đoàn Chỉ Hòa tại xóm Dốc Phán, xã Lâm Sơn, tỉnh Hòa Bình	Lương sơn	2379; 30/10/2019	14.000	14.000		12.000	7.000	2.000	5.000			
(8)	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình												
1	Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi	Kim Bôi	1303; 28/6/2021	19.500	19.500		19.300	12.300	5.000	5.000	2.300		
2	Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc	Đà Bắc	1321; 30/6/2021	19.800	19.800		19.600	12.600	5.000	5.000	2.600		
(9)	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						0						
1	Trường trung học phổ thông Kim Bôi, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	1287; 23/6/2021	50.000	50.000		49.500	16.000	5.000	9.000	2.000		
2	Trường trung học phổ thông Thanh Hà, huyện Lạc Thủy	Lạc Thủy	1294; 24/6/2021	12.500	12.500		12.400	5.000		3.000	2.000		
3	Trường Trung học phổ thông Yên Thủy B, huyện Yên Thủy	Yên Thủy	1293; 24/6/2021	12.500	12.500		12.400	5.000		3.000	2.000		
4	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS B huyện Đà Bắc	Đà Bắc	1292; 24/6/2021	12.500	12.500		12.400	5.000		3.900	1.100		
5	Trường trung học phổ thông Đại Đồng, huyện Lạc Sơn	Lạc Sơn	751; 07/4/2021	14.950	14.950		14.850	7.000	5.000	2.000			
6	Trường trung học phổ thông Kỳ Sơn	TPHB	837; 20/4/2021	14.950	14.950		14.850	5.482	5.000	482			
(10)	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						0						

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số		
1	Xây dựng Trụ sở làm việc Cơ quan Bộ CHQS tỉnh Hòa Bình (giai đoạn II)	TPHB	1092; 28/5/2021	19.900	19.900		19.400	9.400	9.400				
2	Dự án Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình	TP Hòa Bình	241/QĐ-VKSTC ngày 10/12/2020	13.452	4.500		4.500	2.500	2.500				
3	Dự án trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu	Mai Châu	242/QĐ-VKSTC; 10/12/2020	22.516	4.500		4.500	2.500	2.500				
4	Xây dựng các trụ sở công an xã trên địa bàn tỉnh.	Tỉnh HB		158.805	158.805		157.805	45.000	45.000				Chi tiết tại Biểu số 1.1
H	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022			1.538.110	1.465.551	0	1.456.551	308.468	75.500	232.968	0	0	
(1)	Giao thông												
1	Nâng cấp đường trung tâm phường Thống Nhất, thành phố Hòa Bình	TPHB	2366; 18/10/2021	95.000	95.000		94.500	23.000	10.000	13.000			
2	Đường kết nối thị trấn Lương Sơn - Xuân Mai Hà Nội (giai đoạn 1)	Lương sơn	2854; 03/12/2021	999.000	999.000		999.000	150.000	10.000	140.000			
(2)	Lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy lợi						0						
1	Kè chống sạt lở bờ suối Chờ, xã Trung Sơn (nay là xã Liên Sơn), huyện Lương Sơn	Lương sơn	3381; 31/12/2020	7.059	2.000		2.000	2.000	2.000				
(3)	Công nghệ thông tin						0						
1	Dự án Đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	Tỉnh HB	2980; 6/12/2021	14.860	14.860		14.760	14.760	5.000	9.760			
(4)	Khu công nghiệp, cụm công nghiệp						0						
1	Khu tái định cư cho các hộ liên kề nhà máy xi măng Trung Sơn (giai đoạn 1), huyện Lương Sơn	Lương sơn	2306; 12/10/2021	29.900	29.900		25.900	10.708	5.000	5.708			

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số		
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương							
(5)	Lĩnh vực xã hội						0						
1	Dự án Xây dựng Khu nhà nuôi dưỡng và quản lý đối tượng tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hòa Bình	TP Hòa Bình	937; 07/5/2021	30.000	30.000		29.700	10.000	2.000	8.000			
(6)	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình						0						
1	Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy	Lạc Thủy	1342; 2/7/2021	30.000	30.000		29.700	10.000	3.500	6.500			
(7)	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo						0						
1	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học phổ thông tỉnh Hòa Bình	TPHB	2225; 30/9/2021	14.500	14.500		14.400	4.000	4.000				
2	Trường Trung học phổ thông Yên Thủy A, huyện Yên Thủy	Yên Thủy	2223; 30/9/2021	14.500	14.500		14.400	4.000	4.000				
3	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THCS&THPT huyện Lương Sơn	Lương sơn	2751; 25/11/2021	14.500	14.500		14.400	4.000	4.000				
4	Trường THPT Mai Châu	Mai Châu	2982; 6/12/2021	50.000	50.000		50.000	10.000	5.000	5.000			
5	Trường Cao đẳng sư phạm Hoà Bình	TPHB	2750; 25/11/2021	12.500	12.500		12.400	3.000	3.000	0			
(8)	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						0						
1	Dự án trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn	Lạc Sơn	100/QĐ-VKSND; 26/7/2021	22.000	4.500		4.500	2.500	1.000	1.500			
2	Trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Hòa Bình/Quân khu 3	TPHB	2957/QĐ-BQP; 02/9/2021	85.000	35.000		35.000	17.500	9.000	8.500			

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương							
3	Xây dựng Đại đội Thiết giáp Bộ CHQS tỉnh Hòa Bình (giai đoạn 1)	TPHB	2901; 6/12/2021	12.000	12.000		11.900	6.000	6.000	0			
(9)	Lĩnh vực khoa học, công nghệ						0						
1	Đầu tư tăng cường tiềm lực phục vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ và nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm ứng dụng Thông tin khoa học, công nghệ tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2	TPHB	2210; 29/9/2021	35.000	35.000		34.700	12.000	2.000	10.000			
2	Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng giải pháp lưu trữ tài liệu lịch sử tỉnh của Hòa Bình, tạo nền tảng phát triển Chính phủ số	Tỉnh HB	2872; 03/12/2021	14.991	14.991		14.991	5.000		5.000			
(10)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác						0						
1	Dự án San nền tạo mặt bằng phục vụ phát triển đô thị (sử dụng vật liệu đồ thải của dự án nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng)	TPHB	2470; 31/10/2020	57.300	57.300		54.300	20.000		20.000			
I	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			4.852.102	2.232.102	2.570.000	1.480.102	23.000	2.000	21.000	0	0	
1	Đường Liên kết vùng Hòa Bình - Hà Nội và cao tốc Sơn La (Hòa Bình - Mộc Châu)	Kim Bôi - TPHB - Đà bắc	440/NQ-HĐND; 28/4/2021	4.120.000	1.620.000	2.500.000	1.080.000	10.000		10.000			
2	Đường tránh thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	Lạc Sơn	431/NQ-HĐND; 6/4/2021	235.000	150.000	50.000	148.500	2.000		2.000			
3	Đường nội thị thị trấn Bo, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	421/NQ-HĐND; 6/4/2021	300.000	280.000	20.000	70.000	2.000		2.000			
4	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh đi Khu công nghiệp Thanh Hà, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	Lạc Thủy	444/NQ-HĐND; 28/4/2021	100.000	85.000		84.500	2.000		2.000			
5	Ứng dụng công nghệ đầu tư xây dựng hệ thống quản lý thông tin cảnh báo sớm trượt lở, sạt lở đất đá, lũ bùn đá, lũ ống, lũ quét theo thời gian thực tại tỉnh Hòa Bình	TPHB	1062; 25/5/2021	14.900	14.900		14.900	2.000		2.000			

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số		Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số			
					Vốn ngân sách tỉnh							Vốn ngân sách trung ương	
6	Hạ tầng khắc phục thiên tai xóm Khanh, xã Phú Cường và xóm Kem, xã Định Giáo, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	1616; 10/7/2018	14.976	14.976		14.976	1.000	1.000	0			
7	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Hòa Bình	TPHB	1676; 10/8/2021	67.226	67.226		67.226	4.000	1.000	3.000			
J	CÁC KINH PHÍ KHÁC						100.000	50.000	0	50.000	0	0	
1	Quỹ đầu tư phát triển						100.000	50.000		50.000			
K	BÔI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							80.300					

BIỂU SỐ 1.1

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH CHO CÁC DỰ ÁN TRỤ SỞ CÔNG AN XÃ

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày tháng ban hành	TMDT	Trong đó: NST			
	TỔNG SỐ			106.038	105.787	105.787	45.000	
I	Dự án khởi công mới năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022			57.487	57.667	57.667	22.667	
1	Trụ sở làm việc công an xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình	TPHB	1833; 24/8/2021	5.782	5.782	5.782	1.782	
2	Trụ sở làm việc công an xã Liên Sơn huyện Lương Sơn	Lương Sơn	2318; 13/10/2021	4.208	4.700	4.700	2.000	
3	Trụ sở làm việc công an xã Tiên Phong huyện Đà Bắc	Đà Bắc	2334; 14/10/2021	4.600	4.600	4.600	2.000	
4	Trụ sở làm việc công an xã Cuối Hạ huyện Kim Bôi	Kim Bôi	2076; 15/9/2021	5.800	5.500	5.500	1.500	
5	Trụ sở làm việc công an xã Mỹ Thành huyện Lạc Sơn	Lạc Sơn	2335; 14/10/2021	3.962	3.962	3.962	1.962	
6	Trụ sở làm việc công an xã Bình Hẻm huyện Lạc Sơn	Lạc Sơn	2321; 13/10/2021	4.028	4.028	4.028	1.528	
7	Trụ sở làm việc công an xã Khoan Dụ huyện Lạc Thủy	Lạc Thủy	2319; 13/10/2021	4.500	4.500	4.500	2.000	
8	Trụ sở làm việc công an xã Thanh Sơn huyện Lương Sơn	Lương Sơn	2320; 13/10/2021	4.700	4.700	4.700	2.000	
9	Trụ sở làm việc công an xã Mai Hạ huyện Mai Châu	Mai Châu	2322; 13/10/2021	4.497	4.498	4.498	1.998	
10	Trụ sở làm việc công an xã Mai Hịch huyện Mai Châu	Mai Châu	1823; 23/8/2021	5.336	5.322	5.322	1.822	
11	Trụ sở làm việc công an xã Phú Cường huyện Tân Lạc	Tân Lạc	2323; 13/10/2021	4.984	4.985	4.985	1.985	

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2022	Ghi chú
			Số, ngày tháng ban hành	TMDT	Trong đó: NST			
12	Trụ sở làm việc công an xã Bảo Hiệu huyện Yên Thủy	Yên Thủy	1832; 24/8/2021	5.090	5.090	5.090	2.090	
II	Dự án khởi công mới năm 2022			48.551	48.120	48.120	22.333	
1	Trụ sở làm việc Công an xã Yên Trị, huyện Yên Thủy	Yên Thủy	2887; 6/12/2021	5.841	5.841	5.841	2.800	
2	Trụ sở làm việc Công an xã Tân Lập, huyện Lạc Sơn	Lạc Sơn	2883; 6/12/2021	4.066	4.066	4.066	2.033	
3	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi	Kim Bôi	2904; 7/12/2021	4.206	4.206	4.206	1.800	
4	Trụ sở làm việc Công an xã Hưng Thi, huyện Lạc Thủy	Lạc Thủy	2902; 7/12/2021	5.741	5.741	5.741	2.700	
5	Trụ sở làm việc Công an xã Cao Sơn, huyện Đà Bắc	Đà Bắc	2903; 7/12/2021	3.941	3.941	3.941	1.800	
6	Trụ sở làm việc Công an xã Thu Phong, huyện Cao Phong	Cao Phong	2889; 6/12/2021	4.491	4.491	4.491	2.000	
7	Trụ sở làm việc Công an xã Cùn Pheo, huyện Mai Châu	Mai Châu	2886; 6/12/2021	5.054	5.054	5.054	2.300	
8	Trụ sở làm việc Công an xã Độc Lập, thành phố Hòa Bình	Hòa Bình	2888; 6/12/2021	4.641	4.641	4.641	2.200	
9	Trụ sở làm việc Công an xã Chí Đạo, huyện Lạc Sơn	Lạc Sơn	2884; 6/12/2021	4.102	4.102	4.102	1.900	
10	Trụ sở làm việc Công an xã Gia Mô, huyện Tân Lạc	Tân Lạc	2885; 6/12/2021	6.468	6.037	6.037	2.800	

BIỂU SỐ 2

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRÊN CƠ SỞ KHẢ NĂNG TĂNG THU NGUỒN VỐN TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở khả năng thu thực tế tăng thêm hằng năm	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số	Nguồn đầu tư khác		
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương							
	TỔNG CỘNG			5.897.010	3.387.510	2.111.000	2.949.996	798.870	397.400	1.470	400.000	37.998	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 HOÀN THÀNH TRONG NĂM 2022			810.810	810.810	0	365.164	66.940	0	0	66.940	0	
(1)	Giao thông												
1	Đường nối từ Quốc lộ 6 với đường Chi Lăng, thành phố Hòa Bình	TPHB	2537; 30/10/2018	220.000	220.000		74.354	9.140	0		9.140		
2	Cầu Hòa Bình 2	TPHB	2536; 30/10/2018	590.810	590.810		290.810	57.800	0		57.800		
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020, HOÀN THÀNH SAU NĂM 2022			110.000	110.000	0	94.000	33.060	0	0	33.060	0	
(1)	Giao thông												
1	Đường tránh Khu di tích lịch sử Nhà máy in tiền xã Cổ Nghĩa đi xã Liên Hòa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	Lạc Thủy	2406; 31/10/2019	110.000	110.000		94.000	33.060			33.060		

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở khả năng thu thực tế tăng thêm hằng năm	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số		Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số	Nguồn đầu tư khác			
					Vốn ngân sách tỉnh							Vốn ngân sách trung ương	
C	ĐỐI ỨNG DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (ODA)			2.600.000	278.000	2.011.000	278.000	10.000	5.000	0	5.000	0	
(1)	Chuẩn bị đầu tư												
1	Dự án kết nối hạ tầng giao thông thủy lợi tỉnh Hòa Bình với hệ thống hạ tầng giao thông quốc	TPHB	Quyết định số 1386/QĐ-TTg ngày 05/8/2021	2.600.000	278.000	2.011.000	278.000	10.000	5.000		5.000		
D	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021 CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2022			798.000	798.000	0	797.900	200.000	0	0	200.000	0	
(1)	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội												
1	Khu trụ sở liên cơ quan tỉnh Hòa Bình	TPHB	1822; 23/8/2021	798.000	798.000		797.900	200.000	0		200.000		Bổ trí từ nguồn bán đấu giá tài sản theo ND 167
E	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2022			1.186.200	1.018.700	100.000	736.200	307.000	228.530	1.470	77.000	0	
(1)	Giao thông												
1	Đường liên xã Ngọc Lương - Đoàn Kết, huyện Yên thủy	Yên Thủy	2703; 19/11/2021	89.500	89.500		89.000	40.000	40.000		0		
2	Đường từ ngã ba bưu điện đi bờ sông Bưởi, thị trấn Vụ Bản huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	Lạc Sơn	2748; 25/11/2021	98.200	80.700		80.700	40.000	40.000				

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở khả năng thu thực tế tăng thêm hằng năm	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số		Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:								
					Vốn ngân sách tỉnh			Vốn ngân sách trung ương	Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số		Nguồn đầu tư khác	
3	Đường Quang Tiến - Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình (giai đoạn 1)	TPHB	2855; 3/12/2021	430.000	330.000	100.000	50.000	50.000			50.000		
(2)	Khu công nghiệp, cụm công nghiệp												
1	Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Phú Thành II, huyện Lạc Thủy	Lạc Thủy	1220; 14/6/2021	86.000	46.000		45.800	15.000			15.000		
(3)	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình												
1	Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Hòa Bình	TPHB	1304; 28/6/2021	40.000	40.000		39.600	10.000	10.000		0		
(4)	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo												
1	Trường Trung học phổ thông Mai Châu B, huyện Mai Châu	Mai Châu	2492; 29/10/2021	12.500	12.500		12.400	5.000	5.000		0		
2	Trường Trung học phổ thông Lạc Thủy, huyện Lạc Thủy	Lạc Thủy	2226; 30/9/2021	12.500	12.500		12.400	6.000	3.530	1.470	1.000		
3	Trường Trung học phổ thông Lương Sơn	Lương sơn	2101; 17/9/2021	12.500	12.500		12.400	6.000	5.000	0	1.000		
4	Cụm trường phường Tân Hòa Thành phố Hòa Bình	TPHB	2900; 6/12/2021	150.000	140.000		140.000	45.000	35.000		10.000		
(5)	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội												
1	Xây dựng, cải tạo Doanh trại Trung đoàn 814	TPHB	1346; 2/7/2021	33.000	33.000		32.700	15.000	15.000				
2	Nhà làm việc Đài phát thanh truyền hình tỉnh	TPHB	2891; 6/12/2021	100.000	100.000		99.200	25.000	25.000		0		
(6)	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác												

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở khả năng thu thực tế tăng thêm hằng năm	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư				Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số	Nguồn đầu tư khác		
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương							
1	Cải tạo chỉnh trang một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Hòa Bình	TPHB	2983; 6/12/2021	122.000	122.000		122.000	50.000	50.000				
F	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ			392.000	372.000	0	360.000	25.000	7.000	0	18.000	0	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Liên Phú 3, xã Thống Nhất đi đường Hồ Chí Minh, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	Lạc Thủy	423/NQ-HĐND; 6/4/2021	82.000	82.000		81.500	2.000	2.000				
2	Đường liên khu vực nối với trục chính khu công nghiệp Yên Quang, thành phố Hòa Bình (Đường nối KCN Tiên Tiến với KCN Yên Quang (Kết hợp đường gom của đường Hòa Lạc - Hòa Bình)	TPHB		100.000	80.000		79.500	10.000	2.000		8.000		
3	Cải tạo, nâng cấp đường vào Cụm công nghiệp xóm Rút, xã Tân Vinh huyện Lương Sơn	Lương sơn	357/NQ-HĐND; 09/12/2020	80.000	80.000		70.000	10.000			10.000		
4	Dự án xây dựng Hệ thống các Trung tâm điều hành thông minh	Tỉnh HB	446/NQ-HĐND; 11/5/2021	80.000	80.000		79.500	2.000	2.000		0		
5	Dự án Xây dựng khu không gian bảo tồn Di sản văn hóa Mo Mường gắn với dịch vụ du lịch tại xã Hợp Phong, huyện Cao Phong	Cao phong	455/NQ-HĐND; 11/5/2021	50.000	50.000		49.500	1.000	1.000		0		
E	CÁC KINH PHÍ KHÁC						318.732	156.870	156.870	0	0	37.998	
1	Thu hồi tạm ứng NST của các dự án không thuộc danh mục dự án đang triển khai thực hiện trong KHĐTC trung hạn (dự án ứng từ năm 2015 về trước chưa hoàn trả)						53.732	37.998	37.998	0	0	37.998	

STT	Nội dung	Địa điểm đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021-2025 trên cơ sở khả năng thu thực tế tăng thêm hằng năm	Kế hoạch vốn năm 2022					Ghi chú		
			Số quyết định; ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số	Trong đó			Trong đó: Thu hồi tạm ứng NST	
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách trung ương			Nguồn thu sử dụng đất	Nguồn thu xổ số		Nguồn đầu tư khác				
-	Trung tâm Thương Mại bờ trái Sông Đà						16.932	11.359	11.359			11.359			
-	KP bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ việc mở rộng Khu công nghiệp Lương Sơn						2.500	2.500	2.500			2.500			
-	Đẩy nhanh tiến độ Công trình hạ tầng kỹ thuật khi tái định cư xóm Miêu, Trung Minh Hòa Bình						2.800	2.639	2.639			2.639			
-	Hỗ trợ kinh phí cho các huyện, thành phố để thực hiện các dự án di dân tái định cư						10.000	10.000	10.000			10.000			
-	Tam ứng kinh phí chi NSNN cho UBND tp Hoà Bình thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu CN bờ trái sông Đà						21.500	11.500	11.500			11.500			
2	Công tác quy hoạch, đo đạc lập bản đồ địa chính						120.000	88.872	88.872						
3	Quỹ phát triển đất						50.000	20.000	20.000						
4	Hỗ trợ vốn thực hiện Đề án cứng hóa đường GTNT giai đoạn 2021 - 2025			95.000	95.000		95.000	10.000	10.000						

BIỂU SỐ 3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:	
				Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB							
	TỔNG SỐ			6.474.797	5.252.520	2.665.303	732.506	0	0			
I	Quốc phòng			516.000	509.500	400.397	153.897	0	0			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 hoàn thành trong năm 2022			256.000	256.000	146.897	93.897	0	0			
b	Dự án khởi công mới năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022			170.000	169.000	169.000	40.000	0	0			
c	Khởi công mới năm 2022			90.000	84.500	84.500	20.000	0	0			
II	Văn hóa, thông tin			47.127	42.127	24.127	9.317	0	0			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 và hoàn thành trong năm 2022			47.127	42.127	24.127	9.317	0	0			
1	Khôi phục, tôn tạo di tích lịch sử cách mạng địa điểm huấn luyện chính trị và Đại hội trù bị Đại hội II Đảng Nhân dân Lào tại Hòa Bình	TPHB	2412; 31/10/2019	47.127	42.127	24.127	9.317					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:	
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB
III	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			1.148.718	468.041	261.740	121.992	0	0			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 và hoàn thành trong năm 2022			618.718	188.041	75.240	39.390	0	0			
1	Dự án hạ tầng phát triển sản xuất vùng cam an toàn tập trung huyện Cao Phong	Cao Phong	760/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 1456/QĐ-UBND ngày 21/6/2018	60.000	60.000	38.500	28.500					
2	Dự án di dân tái định cư vùng thiên tai xóm Châm, xã Yên Lập và kè chống sạt lở ổn định dân cư Suối Bưng khu vực xã Thu Phong, xã Đông Phong, thị trấn Cao Phong	Cao Phong	2184/QĐ-UBND ngày 03/11/2017	60.000	60.000	18.500	10.000					
3	Các dự án bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2020 (dự án chuyển tiếp)	Tỉnh Hoà Bình		498.718	68.041	18.240	890					
b	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 và hoàn thành sau năm 2022			530.000	280.000	186.500	82.602	0	0			
1	Đường lâm nghiệp kết hợp công vụ, đường ranh cản lửa huyện Tân Lạc, Lạc Sơn, Lạc Thủy	Tân Lạc, Lạc Sơn, Lạc Thủy	784/QĐ-UBND 30/03/2016; 417/NQ-HĐND ngày 06/4/2021	80.000	80.000	46.500	34.500					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:	
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB
2	Kè chống sạt lở, chỉnh trị dòng chảy, nạo vét gia cố bờ sông Bùi đoạn TT. Lương Sơn	Lương Sơn	2417; 07/10/2020	450.000	200.000	140.000	48.102					
IV	Giao thông			4.632.952	4.103.852	1.850.039	382.300	0	0			
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 và Hoàn thành trong năm 2022			2.575.952	2.464.952	561.219	114.300	0	0			
1	Đường Lũng Vân - Bắc Sơn - Noong Luông	Tân Lạc - Mai Châu	716/QĐ-UBND 25/03/2016; 2847/QĐ-UBND; 17/12/2019	80.000	80.000	36.500	8.500					
2	Dự án Đường từ thị trấn Lương Sơn – đi xã Cự Yên	Lương Sơn	318/QĐ-UBND 04/02/2016; 200/QĐ-UBND 14/10/2019	80.000	80.000	49.000	17.000					
3	Đường Cun Pheo - Hang Kia - Quốc lộ 6	Mai Châu	782/QĐ-UBND, 30/3/2016; 2725/QĐ-UBND; 03/12/2019	80.000	80.000	26.000	8.000					
4	Dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 435	TPHB	2899/QĐ-UBND; 20/12/2019; 450/NQ-HĐND; 11/5/2021	298.000	283.000	84.960	14.800					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:	
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB
5	Đường liên huyện vùng cao Lạc Sơn - Tân Lạc tỉnh Hoà Bình	Lạc Sơn và Tân Lạc	1704; 31/10/2014	309.659	269.659	167.159	21.000					
6	Dự án cải tạo đường tỉnh 433, đoạn Km0 - Km23 (giai đoạn I)	TPHB và Đà Bắc	1161; 27/8/2012; 2049/QĐ-UBND ngày 24/9/2019	972.293	972.293	177.600	25.000					
7	Dự án cải tạo nâng cấp đường tỉnh 435, tỉnh Hòa Bình (dự án dùng vốn TPCP giai đoạn 2016 - 2020)	TPHB- Cao Phong	1644/QĐ-UBND ngày 30/8/2017	756.000	700.000	20.000	20.000					
b	Dự án khởi công mới năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022			1.097.000	918.500	916.000	223.000	0	0			
1	Đường nối cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình với khu công nghiệp Yên Quang TP Hòa Bình	TPHB	1577; 29/7/2021	150.000	149.500	149.000	40.000					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:	
											Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Thanh toán nợ đọng XDCB
2	Đường nối từ đường QH 8 với Đường An Dương Vương thành phố Hòa Bình	TPHB	2329; 14/10/2021	250.000	150.000	150.000	40.000					
3	Đường Thượng Cốc - Phú Lương (nay là xã Quyết Thắng)	Lạc Sơn	1963; 6/9/2021	82.000	81.500	81.500	30.000					
4	Đường Thị trấn Đà Bắc - Thanh Sơn Phú Thọ	Đà Bắc	2316; 12/10/2021	250.000	200.000	200.000	40.000					
5	Đường Hòa Bình đoạn Km3+600 - Km3+870 và đường Âu Cơ đi Cảng Bích Hạ	TPHB	1730; 16/8/2021	95.000	94.500	94.500	23.000					
6	Đường từ Quốc lộ 6 đến khu công nghiệp Nhuận Trạch huyện Lương Sơn	Lương Sơn	2109; 17/9/2021	270.000	243.000	241.000	50.000					
c	Khởi công mới			180.000	178.500	90.100	34.000	-	-			
1	Đường khu Dân cư mới QH13; QH13B; QH 13C thị trấn Cao Phong, xã Bắc Phong.	Cao Phong	2293; 08/10/2021	180.000	178.500	90.100	34.000					
d	Chuẩn bị đầu tư			780.000	541.900	282.720	11.000	-	-			
1	Đường xuyên tâm thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu	Mai Châu	396/NQ-HĐND; 05/02/2021	260.000	208.500	132.720	4.000					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025		Trong đó:		
											Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW
2	Đường QH1 (đoạn từ quảng trường đến đường An Dương Vương), thành phố Hòa Bình	TPHB	426/NQ-HĐND; 6/4/2021	285.000	283.400	100.000	4.000					
3	Đường tránh thị trấn vụ bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	Lạc Sơn	431/NQ-HĐND; 6/4/2021	235.000	50.000	50.000	3.000					
V	Giáo dục và đào tạo			130.000	129.000	129.000	45.000	0	0			
a	Dự án khởi công mới năm 2021 chuyển tiếp sang năm 2022			130.000	129.000	129.000	45.000	0	0			
1	Trường Trung học phổ thông Công Nghiệp, thành phố Hòa Bình	TPHB	1288; 23/6/2021	50.000	49.500	49.500	20.000					
2	Đầu tư mở rộng Trường Chính trị tỉnh Hòa Bình	TPHB	1772; 19/8/2021	80.000	79.500	79.500	25.000					
VII	Đối ứng ODA						20.000					

BIỂU SỐ 4
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2022
(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách trung ương			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
				Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng	trong đó		Tổng	trong đó		
						Trong đó:							Vốn đối ứng NSTW	Vốn nước ngoài NSTW cấp phát		Vốn đối ứng NSTW		Vốn nước ngoài NSTW cấp phát
						Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài								
						Tổng số	Trong đó:		Quy đổi ra tiền Việt									
NSTW	NST	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW															
	TỔNG SỐ				3.061.854	526.023	213.979	286.719	2.535.831	2.276.198	1.173.482	102.179	1.071.303	442.571	20.000	422.571		
I	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 2020 sang giai đoạn 2021-2025				3.061.854	526.023	213.979	286.719	2.535.831	2.276.198	1.173.482	102.179	1.071.303	442.571	20.000	422.571		
1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	tỉnh Hoà Bình	10/3/2016	3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2015; QĐ 880/QĐ-UBND ngày 04/4/2016; QĐ 3102/QĐ-BNN ngày 21/7/2016	271.960	22.670		22.670	249.290	230.582	58.756		58.756	36.780	0	36.780		
2	Cung cấp thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	Huyện Lạc Thủy	31/8/2018	4403/VPCP-QHQT 14/6/2010; 685/QĐ-UBND 27/4/2011; 1038/QĐ-UBND 19/6/2017; QĐ 986/QĐ-UBND ngày 29/4/2020	77.582	12.932	0	12.932	64.650	64.650	64.650		64.650	30.000	0	30.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách trung ương			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
				Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng	trong đó		Tổng	trong đó		
						Trong đó:							Vốn đối ứng NSTW	Vốn nước ngoài NSTW cấp phát				
						Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài								
						Tổng số	Trong đó:		Quy đổi ra tiền Việt									
NSTW	NST	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW															
3	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2 (tiểu dự án xây dựng và nâng cấp hạ tầng du lịch khu di tích Chùa Tiên, xã Phú Lão, huyện Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình)	Huyện Lạc Thủy		2107/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	234.408	53.500	0	53.500	180.908	144.726	100.000		100.000	30.000	0	30.000		
4	Dự án phát triển Giáo dục THCS vùng khó khăn nhất, giai đoạn 2	tỉnh Hoà Bình	23/01/2015	QĐ 2178/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/3/2014; 829/QĐ-UBND, 830/QĐ-UBND, 831/QĐ-UBND, 832/QĐ-UBND 31/3/2016; 1920, 1921,1922,1923/Q Đ-UBND ngày 29/7/2016; 827/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/3/2020; QĐ 1879/QĐ-UBND ngày 14/8/2020; QĐ 122/QĐ-SKHĐT ngày 28/8/2020 131/QĐ-SKHĐT ngày 04/9/2020	26.155	6.302	0	6.302	19.853	19.853	7.947		7.947	7.947	0	7.947		
5	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	tỉnh Hoà Bình	08/04/2016	4638/QĐ-BNN-HTQT, 9/11/2015	417.480	21.936		21.936	395.544	336.212	190.350		190.350	83.003	0	83.003		
2																		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Ngày ký kết hiệp định	QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm							Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách trung ương			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
				Số quyết định	TMDT						Tổng	trong đó		Tổng	trong đó		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng NSTW	Vốn nước ngoài NSTW cấp phát				
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài									
						Tổng số	Trong đó:		Quy đổi ra tiền Việt								
NSTW	NST	Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW														
6	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở	tỉnh Hoà Bình		324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; 654QĐ-UBND ngày 01/4/2019	258.667	52.279	0	52.279	206.388	123.833	77.550		77.550	40.000	0	40.000	
7	Dự án phát triển nông thôn đa mục tiêu huyện Đà Bắc	Đà Bắc	08/08/2012	2009, 27/7/2012; 2361, 31/12/2014	410.659	117.113	46.475	45.313	293.546	293.546	60.470		60.470	42.470	0	42.470	
8	Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Hòa Bình	TP hòa bình	17/07/2014	1007/QĐ-UBND ngày 24/7/2014; QĐ 1674/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	686.425	57.856	40.499	17.357	628.569	565.712	223.600	12.020	211.580	36.500	0	36.500	Thu hồi tạm ứng NST dự án Cầu Hòa Bình 3 và đường dẫn: 30.047,607 triệu đồng vốn ODA cấp phát
9	Dự án thoát nước và xử lý nước thải TP Hòa Bình (KFW)	TPHB	26/02/2011	142/QĐ-UBND, 4/2/2009; 1441/QĐ-UBND, 17/10/2012; 1173/QĐ-UBND, 3/7/2015	678.518	181.435	127.005	54.431	497.083	497.083	390.159	90.159	300.000	135.871	20.000	115.871	